

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/DS-ST

Ngày: 26-11-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 25 và ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch Chèo, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Bà Ngô Thùy T2, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ

án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị T3 trình bày:

Vào năm 2014 và năm 2015 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 là khách hàng được đầu tư thuốc và thức ăn thủy sản. Vào khoảng tháng 9/2015 âm lịch phía ông K và bà T2 ngưng lấy thức ăn và thuốc bên đại lý. Hai bên không có đối chiếu công nợ chỉ ghi vào sổ theo dõi với tổng số tiền là 243.978.000 đồng, đã qua thì phía ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 có trả cho bà T1 với số tiền là 42.700.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 trả cho bà T1 số tiền nợ là 201.278.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 06/4/2021 ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông Nguyễn Văn K thừa nhận và thống nhất phần trình bày của bà Đỗ Thị T3 về thời gian hợp đồng mua bán thuốc, thức ăn thủy sản với bà T1. Vào năm 2014 vợ chồng ông có hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc với bà Nguyễn Thị Thuyết. Hai bên làm ăn đến khoảng tháng 9 năm 2015 thì ngưng mua thuốc và thức ăn bên đại lý bà T1. Khi ngưng làm ăn thì vợ chồng ông có trả một phần cho bà T1 chỉ còn nợ khoảng hơn 120.000.000 đồng. Khi trả tiền vợ chồng ông có ghi sổ theo dõi nợ. Do bà T1 còn nợ ông tiền hui hơn 90.000.000 đồng. Đối trừ ông chỉ còn nợ bà T1 là 30.000.000 đồng. Do hoàn cảnh làm ăn khó khăn thua lỗ nên ông và bà T2 chưa có khả năng trả cho bà T1. Nay ông thống nhất cùng bà T2 vợ ông trả cho bà T1 số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 25/11/2021 bà Ngô Thùy T2 trình bày:

Bà Ngô Thùy T2 thừa nhận và thống nhất phần trình bày của bà Đỗ Thị T3 về thời gian hợp đồng mua bán thuốc, thức ăn thủy sản với bà T1 và số nợ đúng như bà T2 trình bày 243.978.000 đồng. Hai bên kết thúc hợp đồng mua bán vào năm 2015 nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Khi ngưng làm ăn thì vợ chồng bà có trả một phần cho bà T1 khoản năm, sáu lần, mỗi lần trả từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, đến nay còn nợ khoảng hơn 130.000.000 đồng. Khi trả tiền vợ chồng bà không có ghi sổ theo dõi nợ. Do bà T1 còn nợ bà tiền hui hơn 90.000.000 đồng. Đối trừ bà chỉ còn nợ bà T1 khoảng hơn 30.000.000 đồng. Nay bà thống nhất cùng ông K trả cho bà T1 cho số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

- Đối với ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 trả tiền mua thuốc và thức ăn thủy sản. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn K là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T1 xác định giữa bà với ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 có thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản. Trong thời gian hợp đồng bà đã cung cấp thức ăn, thuốc thủy sản cho ông K và bà T2. Hai bên không có đối chiếu công nợ chỉ ghi vào sổ theo dõi với tổng số tiền là 243.978.000 đồng, ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 có trả cho bà T1 với số tiền là 42.700.000 đồng và nợ lại là 201.278.000 đồng. Ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 có thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản của bà Nguyễn Thị T1 và còn nợ bà T1 số tiền 201.278.000 đồng là thực tế xảy ra. Bởi lẽ, ông K và bà T2 thừa nhận giữa ông K, bà T2 và bà T1 có thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản. Đối với số tiền 243.978.000 đồng ông K, bà T2 thừa nhận có nợ bà T1 nhưng ông K, bà T2 cho rằng giữa ông K, bà T2 với bà T1 kết thúc hợp đồng mua bán vào khoảng tháng 9 năm 2015 và đã trả một phần cho bà T1 chỉ còn nợ lại 120.000.000 đồng mỗi lần vợ chồng ông trả có ghi sổ theo dõi, tuy nhiên ông K và bà T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là đã trả tiền cho bà T1. Do bà T1 còn nợ ông K và bà T2 tiền hui là 90.000.000 đồng, đối trừ ông K và bà T2 chỉ còn nợ bà T1 số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông K và bà T2 được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông K và bà T2 không có yêu cầu phản tố nên không đặt ra xem xét. Mặc khác, xét thấy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp khác, ông K và bà T2 có quyền khởi kiện bà T1 bằng một vụ án khác.

[4] Sổ ghi chép nợ tiền thức ăn và thuốc thủy sản thể hiện năm 2014 và năm 2015 do bà T1 cung cấp có nội dung là ông K và bà T2 còn nợ lại bà T1 số tiền 243.978.000 đồng, ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 có trả cho bà T1 42.700.000 đồng và còn nợ lại 201.278.000 đồng đúng như bà T1 trình bày. Do đó ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T1, đồng thời buộc ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 trả cho bà Nguyễn Thị T1 tổng số còn nợ 201.278.000 đồng là có cơ sở.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền còn nợ là 201.278.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thùy T2 phải chịu 10.064.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T1 đã nộp tạm ứng số tiền 5.032.000 đồng (năm triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0012496 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị T1.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng